

Số: 1736 /TDN-VP

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 6 năm 2016.

CÔNG BỐ THÔNG TIN (Thời hạn 24 giờ)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. **Tên Công ty niêm yết:** *CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN.*
2. **Mã Chứng khoán:** TDN
3. **Địa chỉ trụ sở chính:** *Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh*
4. **Điện thoại:** (84.33) 3864 251 **Fax:** (84.33) 3863 942
5. Website: *www.deonai.com.vn*
6. **Người thực hiện CBTT:** Ông Nguyễn Quang Tùng

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã nhất trí thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC - Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu - Quận Hoàn Kiếm – Thành phố Hà Nội thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.

Ngày 22 tháng 6 năm 2016 Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC - Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu - Quận Hoàn Kiếm – Thành phố Hà Nội thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. (Địa chỉ Website đăng tải thông tin: www.deonai.com.vn - Mục Quan hệ cổ đông).!

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN (Báo cáo);
- Lưu VT, HĐQT, BKS, KTT, VP.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Quang Tùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

o0o

Số: 328./2016/HĐ.KTTC-AASC.CNQN

Ngày 22 tháng 6 năm 2016

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin)*

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hợp đồng này được lập giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI- VINACOMIN

Người đại diện : **Phạm Thành Đông**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Phường Cẩm Tây – Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Số điện thoại : 0333.862366 Fax: 0333.863942
Tài khoản số : 102010000223812
Ngân hàng : Tại Ngân hàng Công thương Cẩm Phả.
Mã số thuế : 5700101299

BÊN B: CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Người đại diện : **Nguyễn Quốc Dũng**
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 51/2015 ngày 31/12/2015)
Địa chỉ : 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại : (84-4) 3 8241 990
Tài khoản số : 0011001415059
Tại Ngân hàng : Sở giao dịch - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Mã số thuế : 0100111105

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU I : NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ Soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin.

Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Các Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

ĐIỀU II :TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- 2.1.1. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- 2.1.2. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- 2.1.3. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - a. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - b. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - c. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Cử kiểm toán viên, chuyên gia có năng lực thực hiện công việc kiểm toán, tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản, tiền vốn tại thời điểm 31/12/2016.

Phối hợp cung cấp tài liệu và trả lời các câu hỏi theo nguyên tắc của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU III: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016

Sau khi kết thúc công tác kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A 08 bộ báo cáo kết quả công tác kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được Kiểm toán bằng tiếng Việt.

Báo cáo kết quả công tác sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Báo cáo kiểm toán năm 2016

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A 08 bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt; 03 bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU IV: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ của Bên B cho các dịch vụ nêu tại Điều I của hợp đồng được hai bên thỏa thuận như sau:

Phí dịch vụ: 140.000.000 đồng

Thuế GTGT: 14.000.000 đồng

Giá trị sau thuế: 154.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi tư triệu đồng chẵn).

Phương thức thanh toán

Bên A tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng ngay khi hai Bên ký kết hợp đồng này. 50% giá trị hợp đồng còn lại được Bên A thanh toán cho Bên B khi nhận được báo cáo kiểm toán chính thức. Phí dịch vụ được thanh toán bằng đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành

ĐIỀU V: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải

03
TY
C
P.H.P

quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là ngày 25/2/2017.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU VI: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện bên A
GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Đông

Đại diện bên B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Dũng

